

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC VÀ GIẢNG VIÊN
VỀ NHỮNG KHÓ KHĂN KHI VIẾT TÓM TẮT****NGUYỄN NGỌC MAI***

TÓM TẮT: Tóm tắt bài báo là một kỹ năng rất quan trọng trong môi trường Đại học. Tuy nhiên, đây là một hoạt động đọc-viết phức tạp, liên quan đến các ràng buộc nội sinh và ngoại sinh có thể áp đặt tải trọng nhận thức lớn đối với người học. Nghiên cứu này được tiến hành để khảo sát nhận thức của 62 sinh viên và 3 giảng viên về những khó khăn sinh viên gặp phải khi viết tóm tắt bài báo. Kết quả của khảo sát cho thấy những thách thức lớn nhất đối với người học bao gồm xác định các ý hỗ trợ, phân loại các chi tiết, đưa ra suy luận, chọn từ vựng để diễn tả quan điểm và sắp xếp các ý tưởng một cách mạch lạc. Nghiên cứu cũng cho thấy trình độ của người học, kiến thức chủ đề và kỹ năng nhận thức là những ràng buộc có thể ảnh hưởng nhiều nhất tới việc viết tóm tắt.

TỪ KHOẢ: viết tóm tắt; tải trọng nhận thức; ràng buộc nội sinh; ràng buộc ngoại sinh; kiến thức chủ đề.

NHẬN BÀI: 20/01/2023.**BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 13/04/2023**1. Đặt vấn đề**

Trong môi trường mang tính học thuật cao như môi trường đại học, kỹ năng tóm tắt giống như một công cụ hỗ trợ học tập đắc lực giúp sinh viên thực hiện các bài tập hoặc nhiệm vụ yêu cầu tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin tìm được trong các nguồn tài liệu uy tín, từ đó, có thể viết được các bài luận học thuật. Yếu tố tiên quyết để viết bài tóm tắt bài báo là đọc hiểu tường tận bài báo gốc, nắm được những ý chính, ý hỗ trợ và lập dàn ý để sắp xếp những ý này một cách mạch lạc (Flores và Lopez, 2014). Khả năng cấu trúc lại bài rất quan trọng vì nó sẽ cho phép người học chắt lọc những gì cần thiết để làm bài tập hoặc thực hiện một nhiệm vụ nào đó.

Tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, môn học tiếng Anh đương đại 1 (English for Contemporary Topics 1) là học phần dành cho đối tượng sinh viên năm nhất, với bài tập cuối kì là chọn một bài báo về một chủ đề bất kì trong danh sách các chủ đề được giảng viên đưa ra, có độ dài từ 400-700 từ, được lấy từ một nguồn báo uy tín và yêu cầu sinh viên viết tóm tắt bài báo đó. Bài viết này khảo sát nhận thức của sinh viên về những khó khăn mà họ gặp phải khi thực hiện nhiệm vụ viết tóm tắt bài báo trong môn học “Tiếng Anh đương đại 1” và nhận thức của giảng viên phụ trách môn học về những ràng buộc có liên quan chặt chẽ tới những khó khăn khi thực hiện bài tập này.

2. Một số vấn đề lí luận**2.1. Những điều cần lưu ý khi viết tóm tắt**

Một bài tóm tắt là một phiên bản cô đọng của một văn bản gốc dài hơn. Về nguyên tắc, một bản tóm tắt được quy định không dài quá một phần ba văn bản gốc. Một câu diễn giải có thể dài bằng câu trong văn bản gốc, và khi cần thiết, có thể dài hơn câu gốc để “cho phép người viết giữ lại mức độ cụ thể như văn bản gốc” (Hirvela và Du, 2013, tr.88). Để có được một bài tóm tắt, người viết trước tiên phải có khả năng đọc và hiểu đầy đủ văn bản gốc trước khi có thể quyết định chi tiết nào thì nên đưa vào, chi tiết nào thì nên bỏ qua hoặc cần cô đọng lại. Để đưa ra quyết định này, người viết cần thành thạo hai kỹ năng đọc bao gồm: kỹ năng xác định giữa ý chính và ý phụ trong văn bản gốc; và kỹ năng phân biệt giữa các chi tiết có liên quan và không liên quan. Tóm lại, chất lượng của một bản tóm tắt phụ thuộc phần lớn vào mức độ hiểu văn bản gốc của người viết (Flores và Lopez, 2014).

D' Angelo (1979) lại nhấn mạnh tầm quan trọng của kỹ năng “paraphrase”, được hiểu là kỹ năng diễn giải thông tin bằng ngôn từ của người viết. Ông cho rằng, một bài tóm tắt tốt thể hiện năng lực

* Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: ngmai2412@gmail.com

của người viết trong việc cấu trúc lại bài gốc bằng những câu văn mới, biết sử dụng từ vựng để diễn đạt những thông tin có trong bài bằng chính từ ngữ của mình mà không làm thay đổi nội dung, ý nghĩa của văn bản gốc.

2.2. Những khó khăn khi viết tóm tắt

Keck (2006) chỉ ra một trong những vấn đề khi viết tóm tắt liên quan tới năng lực diễn đạt ý tưởng của người viết. Cụ thể, theo tác giả, người viết thường chỉ sử dụng những từ liên quan đến chủ đề mà xuất hiện nhiều lần trong văn bản gốc. Đó là những cách diễn giải hời hợt, chấp vá, chỉ bao gồm những sửa đổi nhỏ như sử dụng từ đồng nghĩa để thay thế, bỏ bớt hoặc sắp xếp lại cấu trúc câu của tác giả một cách đơn giản từ văn bản gốc. Keck khẳng định nhiều người học chấp nhận rủi ro của việc diễn giải hời hợt này vì họ thiếu tự tin trong việc tự diễn đạt lại văn bản gốc bằng từ ngữ của mình. Trong một nghiên cứu khác của Sun (2009), một lí giải khác được đưa ra sau khi tiến hành khảo sát nhận thức của các sinh viên về các chiến lược diễn giải (*paraphrasing strategies*) được chấp nhận và không được chấp nhận. Kết quả khảo sát của Sun cho thấy hơn 50% số người được hỏi cho rằng, chiến thuật có thể chấp nhận được là “*giữ nguyên nguồn văn bản gốc nhất có thể trong khi chỉ thực hiện một số thay đổi như sắp xếp lại, sử dụng từ đồng nghĩa và thêm thêm từ*” (tr.402). Sun đã giải thích rằng, nhận thức này có thể bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết của sinh viên về những nguy cơ tiềm ẩn của việc đạo văn.

Các nghiên cứu khác không khảo sát nhận thức của người học mà đánh giá trực tiếp sản phẩm là các bài tóm tắt đã xác định một số vấn đề đáng chú ý của người học như là sao chép trực tiếp các câu từ văn bản gốc, kết hợp các câu từ văn bản gốc sử dụng các từ liên kết không chính xác, không có khả năng phân biệt giữa các ý chính và các ý hỗ trợ, và không thể hiện được ý chính của văn bản gốc trong câu đầu tiên của bản tóm tắt (Idris, Baba, & Abdullah, 2009). Cũng phân tích các bản tóm tắt của sinh viên, nghiên cứu của Ivanova (2020) cho thấy, sinh viên gặp vấn đề trong việc chọn lọc giữa thông tin cần thiết và ít quan trọng hơn, hiểu ý tưởng và hàm ý của tác giả, diễn giải, xây dựng lại và rút gọn văn bản. Ashrafzadeh và Nimehchisalem (2015) lại phân loại các khó khăn sau khi chấm các bài tóm tắt của người học trên 5 phương diện bao gồm: Nội dung (Content), Tổ chức (Organisation), Từ vựng (Vocabulary), Ngôn ngữ sử dụng (Language use) và Trình bày đoạn văn (Mechanics). Kết quả khảo sát cho thấy những người tham gia đạt điểm thấp nhất trên phương diện *Từ vựng*, chứng tỏ sinh viên còn gặp khó khăn trong việc sử dụng kĩ năng *paraphrase* - dùng ngôn từ, diễn đạt của riêng họ để tóm tắt bài báo.

2.3. Những ràng buộc ảnh hưởng tới việc viết tóm tắt

Hầu hết các nhà nghiên cứu tập trung vào việc so sánh các bài tóm tắt do các nhóm sinh viên khác nhau viết (ví dụ so sánh bài tóm tắt của người học trình độ thấp so với người học trình độ cao) và vào việc xác định những điểm yếu trong bài viết của họ. Tuy nhiên, những nghiên cứu này chưa trả lời được những khó khăn này xuất phát từ đâu, cũng như phải làm thế nào để hỗ trợ người học viết một bài tóm tắt có chất lượng. Theo Kirkland và Saunders (1991), tóm tắt là một hoạt động đọc-viết rất phức tạp, liên quan đến các ràng buộc có thể áp đặt khối lượng nhận thức quá lớn lên người học và gây ảnh hưởng đến chất lượng của bài tóm tắt. Họ cũng cho rằng *Tải trọng nhận thức (Cognitive load)* trong nhiệm vụ viết tóm tắt được xác định bởi một số ràng buộc nội sinh và ngoại sinh.

- Những ràng buộc ngoại sinh bao gồm các yếu tố liên quan trực tiếp tới đối tượng của nhiệm vụ, đặc điểm của bản thân nhiệm vụ. Một trong những ràng buộc ngoại sinh thường xuyên được thảo luận hơn cả là bản chất của tài liệu cần được tóm tắt. Các yếu tố mà Kirkland và Saunders liệt kê bao gồm: 1/Mức độ quen thuộc của tài liệu gốc; 2/Độ phức tạp của tài liệu (như về mật độ thông tin, mức độ trừu tượng, độ rõ ràng/dễ đọc); 3/Độ dài của tài liệu.

- Những ràng buộc nội sinh liên quan chủ yếu tới bản thân người học, ví dụ như năng lực ngoại ngữ, kiến thức chủ đề, ảnh hưởng văn hoá, kiến thức diễn ngôn, kĩ năng nhận thức và kĩ năng siêu nhận thức.

Có thể hình dung bằng bảng dưới đây:

Bảng 1. Các ràng buộc nội sinh và ngoại sinh ảnh hưởng tới việc viết tóm tắt
(Kirkland và Saunders, 1991)

Constraints	Aspects
External constraints	Familiarity
	Complexity
	a.Information density
	b.Degree of abstractness
Internal constraints	c.Clarity/Readability
	Length
	L2 proficiency
	Content schemata
	Affect
	Formal schemata
	Cognitive skills
	Metacognitive skills

3. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng:

Đối tượng của nghiên cứu là 62 sinh viên năm nhất Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, cùng 03 giảng viên phụ trách môn học “Tiếng Anh đương đại 1” hiện đang công tác tại trường.

62 sinh viên này đã đạt trình độ ngoại ngữ bậc 5 (tương đương trình độ C1) theo Khung tham chiếu châu Âu. Các sinh viên này vừa hoàn thành bài tập cuối kì của môn học “Tiếng Anh đương đại 1”, trong đó có nhiệm vụ tóm tắt một bài báo tự chọn thuộc chủ đề trong danh sách chủ đề giảng viên đưa ra.

Quá trình:

Bước 1: Tiến hành khảo sát

Đầu tiên, một bản khảo sát về các trở ngại người học gặp phải khi làm bài tập viết tóm tắt cuối kì được gửi cho 62 sinh viên. Bộ câu hỏi được xây dựng và chỉnh sửa dựa trên các phương diện khó khăn được đề xuất bởi Flores và Lopez (2019). Bản khảo sát chia các khó khăn trên 3 phương diện chính: *Nội dung (Content)*, *Từ vựng (Vocabulary)* và *Tổ chức (Organisation)*.

Mục đích của khảo sát là để thu thập thông tin về suy nghĩ, thái độ, nhận thức, của người tham gia nghiên cứu. Ngoài ra, nghiên cứu này đã sử dụng thang đo Likert trong việc điều tra các khó khăn sinh viên gặp phải khi viết tóm tắt bài báo. Mỗi nhận định trong bảng khảo sát được kèm theo thang đo Likert 05 bậc, tương ứng với các mức độ đồng tình khác nhau. Sau đó, tác giả tìm điểm trung bình (mean) của câu trả lời của sinh viên và diễn giải chúng.

Đánh giá mức độ đồng ý của em với các nhận định sau bằng cách chọn một con số tương ứng. Những con số này thể hiện mức độ đồng tình hoặc không đồng tình với các nhận định theo quy ước sau:

1	2	3	4	5
Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý

Bước 2: Phỏng vấn sinh viên và giảng viên

Sau khi nhận được 62 phản hồi khảo sát, tác giả tiến hành phỏng vấn người học. 05 sinh viên được chọn tham gia phỏng vấn dựa trên tinh thần tình nguyện (kí hiệu là: SA, SB, SC, SD, SE). Các sinh viên được yêu cầu giải thích rõ hơn về các lựa chọn của mình trong bài khảo sát. Sau đó, tác giả

phỏng vấn 03 giảng viên phụ trách môn học “Tiếng Anh đương đại 1” (kí hiệu là: TA, TB, TC). Các câu hỏi phỏng vấn được xây dựng dựa trên nghiên cứu của Kirkland và Saunders (1991) về những ràng buộc nội sinh và ngoại sinh có thể gây trở ngại khi viết bài tóm tắt của sinh viên. Các câu hỏi được thiết kế mở (open-ended questions) để khuyến khích cơ hội trao đổi giữa các giảng viên và tác giả.

Câu hỏi nghiên cứu:

Câu hỏi 1: Sinh viên nhận định như thế nào về những khó khăn khi viết tóm tắt bài báo?

Câu hỏi 2: Những yếu tố ràng buộc nội sinh và ngoại sinh nào ảnh hưởng tới việc viết tóm tắt bài báo?

4. Kết quả

4.1. Câu hỏi 1: Sinh viên gặp phải những khó khăn gì khi viết bài tóm tắt bài báo?

a) Trên phương diện Nội dung (Content)

Bảng 2. Kết quả khảo sát mức độ đồng tình với các nhận định về khó khăn khi viết tóm tắt trên phương diện Nội dung (Content)

Nhận định	Hoàn toàn không đồng ý (1)	Không đồng ý (2)	Trung lập (3)	Đồng ý (4)	Hoàn toàn đồng ý (5)	Mean
1. It is difficult to understand the source text. (Tôi gặp khó khăn để hiểu rõ bài báo gốc.)	12	30	10	7	3	2.33
2. It is difficult to identify main ideas. (Tôi gặp khó khăn khi nhận diện ý chính.)	14	35	5	5	3	2.16
3. It is difficult to identify supporting ideas. (Tôi gặp khó khăn khi nhận diện các ý hỗ trợ.)	2	8	9	32	12	3.75
4. It is difficult to classify details. (Tôi gặp khó khăn khi phân loại các chi tiết.)	4	4	12	35	7	3.59
5. It is difficult to make inferences. (Tôi gặp khó khăn khi đưa ra suy luận.)	2	4	5	38	13	3.90

Có thể thấy, với trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 5 theo khung tham chiếu châu Âu, sinh viên không gặp nhiều khó khăn trong việc hiểu cũng như nắm bắt được ý chính của bài báo. Tuy nhiên nhiều sinh viên cho rằng, họ gặp trở ngại trong việc nhận diện các ý hỗ trợ (mean = 3.75) và phân loại các chi tiết nào để bổ sung cho ý chính nào (mean = 3.59). Sinh viên SC giải thích, do đặc thù của bài báo mà em phải tóm tắt, có những ý nhiều khi sẽ được lặp lại xuyên suốt bài báo, hoặc những bài báo có quá nhiều ý chính cũng sẽ gây khó khăn hơn trong việc xác định ý chính và ý phụ. Thêm

vào đó, các ý kiến của các chuyên gia thường hay bị trùng lặp, vậy nên các em sẽ gặp khó khăn trong vấn đề nhận diện và phân loại các ý chi tiết đó, sinh viên SA và SB cho hay. Những phản hồi này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Marzano (1982), chỉ ra rằng khả năng nhận biết và loại bỏ những thông tin không liên quan và không cần thiết khỏi bài báo gốc là một quá trình khó khăn với người học.

Phần lớn sinh viên cũng đồng ý rằng đưa ra suy luận là khó khăn nhất trong quá trình tóm tắt bài báo (mean = 3.90). Theo sinh viên SA và SD, đưa ra suy luận là một nhiệm vụ đòi hỏi tư duy nhận thức bậc cao. Trong bài tập viết tóm tắt cuối kì, các em cần phải đưa ra suy luận và viết phản hồi (*reflection*) dựa trên suy luận đó. Việc biết nghĩa của các từ trong bài báo không đảm bảo các em sẽ hiểu ý đồ của tác giả. Sinh viên SC cũng khẳng định các em cần có kiến thức nền liên quan tới chủ đề của bài báo để có thể hiểu được tường tận nội dung của bài báo cũng như mục đích viết bài của tác giả.

b) Trên phương diện Từ vựng (*Vocabulary*)

Bảng 3. Kết quả khảo sát mức độ đồng tình với các nhận định về khó khăn khi viết tóm tắt trên phương diện Từ vựng (*Vocabulary*)

Nhận định	Hoàn toàn không đồng ý (1)	Không đồng ý (2)	Trung lập (3)	Đồng ý (4)	Hoàn toàn đồng ý (5)	Mean
6. It is difficult to express vocabulary to express ideas correctly. (Tôi gặp khó khăn khi sử dụng từ vựng để diễn tả quan điểm chính xác.)	5	8	9	28	15	3.79
7. It is difficult to use paraphrasing skills/synonyms/ antonyms to replace words in the source text. (Tôi gặp khó khăn khi sử dụng kỹ năng paraphrase, từ đồng nghĩa/trái nghĩa để thay thế các từ trong bài báo gốc)	10	22	18	9	3	2.56
8. It is difficult to change word form. (Tôi gặp khó khăn khi thay đổi loại từ.)	14	35	8	2	3	2.11

Trên phương diện Từ vựng, kết quả nghiên cứu cho thấy, phần nhiều sinh viên đồng tình với nhận định việc chọn từ vựng phù hợp để diễn tả quan điểm là một trở ngại với các em (mean = 3.79). Theo sinh viên SC, khó khăn lớn nhất của em đó là một từ vựng có thể mang nhiều sắc thái khác nhau, vậy nên việc chọn từ đúng để diễn đạt ý một cách chính xác cần phải xem xét kĩ văn cảnh.

Kết quả của nghiên cứu cũng cho thấy, sinh viên không gặp quá nhiều khó khăn trong việc sử dụng kỹ năng diễn giải thông tin (*paraphrase*) để thay thế các từ trong văn bản gốc (mean = 2.56). Kết quả này không tương đồng với kết quả nghiên cứu của Ashrafzadeh và Nimehchisalem (2015) -

nghiên cứu của họ chỉ ra những khó khăn của người học trong việc sử dụng các từ đồng nghĩa để thay thế các từ trong văn bản. Các em chưa biết cách diễn giải ý tứ một cách linh hoạt mà không phụ thuộc vào ngôn ngữ của bài báo. Tuy nhiên, sinh viên SB và SD nói rằng, các em đã quen thuộc với kỹ năng paraphrase được học trong quá trình ôn luyện thi IELTS nên có thể thay đổi từ và cấu trúc câu một cách linh hoạt mà không cần phải lặp lại đúng từ trong bài báo gốc.

Bên cạnh đó, đa phần các em không đánh giá việc thay đổi loại từ là khó (mean = 2.11). Kết quả này khá dễ hiểu khi hầu hết các em đều có kiến thức nền về ngữ pháp tương đối vững chắc được tích lũy qua các năm học phổ thông.

c) Trên phương diện Tổ chức (Organisation)

Bảng 4. Kết quả khảo sát mức độ đồng tình với các nhận định về khó khăn khi viết tóm tắt trên phương diện Tổ chức (Organisation)

Nhận định	Hoàn toàn không đồng ý (1)	Không đồng ý (2)	Trung lập (3)	Đồng ý (4)	Hoàn toàn đồng ý (5)	Mean
9. It is difficult to organise ideas coherently. (Tôi gặp khó khăn trong việc tổ chức các ý một cách mạch lạc)	4	7	8	18	25	3.85
10. It is difficult to compose grammatical sentences accurately. (Tôi gặp khó khăn trong việc viết các câu đúng ngữ pháp)	16	36	5	3	2	2.01
11. It is difficult to meet length requirements. (Tôi gặp khó khăn trong việc đáp ứng độ dài của bài tóm tắt)	10	28	15	6	3	2.41

Trên phương diện Tổ chức, kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số em sinh viên gặp khó khăn trong việc tổ chức và sắp xếp các ý theo một trình tự mạch lạc và logic (mean = 3.85). Điều này có liên quan chặt chẽ với các trở ngại liên quan tới phương diện Nội dung đã bàn luận ở mục 4a - khi người học gặp khó khăn trong việc nhận diện và phân loại các chi tiết. Sinh viên SE cho rằng, ý chính trong một số bài báo thường được sắp xếp tự do, không theo trình tự thống nhất, vậy nên em dễ rơi vào trường hợp bị lộn ý trong bài tóm tắt của mình, hoặc sắp xếp bố cục chưa hợp lý. Theo sinh viên SA và SD, một nguyên nhân khác là do lối hành văn khác biệt giữa ngôn ngữ mẹ đẻ của người học (Tiếng Việt) và ngôn ngữ đích (Tiếng Anh). Thói quen viết của người học có thể khiến họ chưa quen với văn phong viết mạch lạc và có tổ chức của ngôn ngữ đích.

Ngoài ra, tuy tỉ lệ đồng tình với nhận định 11 không cao (mean = 2.41), những sinh viên được phỏng vấn chia sẻ rằng, các em mất khá nhiều thời gian để đáp ứng được độ dài của bài tóm tắt. Khi được hỏi về lý do, cả 3 sinh viên SA, SB và SD cho rằng, xuất phát từ khó khăn trong việc lựa chọn ý hỗ trợ để đưa vào bài, các em thường có xu hướng viết dài hơn để tránh việc bị bỏ sót ý.

Với nền tảng ngữ pháp tốt, đa phần các em đều tự tin không mắc lỗi ngữ pháp và chính tả trong bài tóm tắt (mean = 2.01)

4.2. Câu hỏi 2: Những yếu tố ràng buộc nào khiến sinh viên cảm thấy khó khăn khi viết bài tóm tắt bài báo?

Thứ nhất, ràng buộc ngoại sinh. Ràng buộc ngoại sinh liên quan tới nhiệm vụ và bản chất của bài báo gốc. Các giảng viên đều đồng ý rằng thể loại của bài báo không phải là một ràng buộc có thể gây khó dễ cho người học. Với nhiệm vụ cuối kì của môn học “Tiếng Anh đương đại 1”, vì các em sinh viên được quyền chọn bài báo từ nguồn uy tín, các em có xu hướng sẽ chọn bài báo có độ dài hợp lý, thuộc những chủ đề gần gũi, với ngôn từ, cách diễn đạt mà các em quen thuộc. Nói cách khác, người dạy và người học đã kiểm soát được các ràng buộc ngoại sinh để làm giảm bớt tải trọng nhận thức lên sinh viên khi thực hiện nhiệm vụ tóm tắt bài báo.

Thứ hai, ràng buộc nội sinh

(i) Năng lực ngoại ngữ của người học

Cả 3 giảng viên TA, TB và TC đều nhận định rằng, năng lực ngoại ngữ của người học cũng là một trong những ràng buộc có ảnh hưởng lớn tới việc viết tóm tắt bài báo. Tuy trình độ đầu vào của các em tương đương với bậc 5, nhưng theo giảng viên TB, đó là điểm trung bình cộng của 4 kĩ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết, khi mà các em có xu hướng giỏi kĩ năng tiếp nhận Nghe-Đọc hơn là kĩ năng sản sinh Nói-Viết. Có thể thấy, các năng lực cần thiết trong việc tóm tắt bao gồm năng lực đọc, khả năng kiểm soát ngữ pháp, từ vựng và năng lực viết phù hợp để diễn đạt thông tin. Giảng viên TC đề cập tới *hiệu ứng trần (ceiling effect)*, nghĩa là người học sẽ không thể viết được một bài tóm tắt nếu như không có năng lực ngoại ngữ từ mức trung cấp cao trở lên (tương đương cấp độ B2).

(ii) Kiến thức chủ đề

Giảng viên TA và TC đồng ý rằng, nếu sinh viên có kiến thức nền liên quan tới chủ đề thì sẽ đọc hiểu và tóm tắt bài báo theo đúng hướng hơn. Giảng viên TC lấy ví dụ về thuật ngữ “skunkworks” mà cô đọc được trong bài tóm tắt của sinh viên. Cô cho rằng, sinh viên lựa chọn bài báo có chứa thuật ngữ này cần phải tự tin có lượng kiến thức nền nhất định liên quan tới chủ đề kinh doanh. Khi chấm bài, cô nhận thấy bài tóm tắt của sinh viên này có tính chính xác cao và đã diễn giải đúng ý nghĩa của từ “skunkworks” trong đoạn tóm tắt của mình (*skunkworks*: được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực kinh doanh và kĩ thuật để mô tả một nhóm trong một tổ chức được trao quyền tự chủ cao, không bị ràng buộc, có nhiệm vụ làm việc trong các dự án tiên tiến hoặc bí mật).

Nhận định về ràng buộc này, giảng viên TA cho rằng, người làm chương trình và người dạy hoàn toàn có thể kiểm soát độ khó của bài tập bằng cách chọn lựa tài liệu cẩn thận để người học tóm tắt, và ở trong trường hợp này, các em sinh viên được quyền chọn một chủ đề trong số danh sách các chủ đề mà giảng viên đưa. Giảng viên TA nhấn mạnh, các chủ đề đa số đều khá quen thuộc như: giáo dục, môi trường, truyền thông,...

(iii) Kĩ năng nhận thức

Giảng viên TC chia sẻ, các sinh viên yếu hơn thường có cách xử lí văn bản theo hướng tiếp cận “bottom up” (từ dưới lên), như vậy người học sẽ không thể hiểu được bức tranh toàn cảnh khi lập dàn bài để viết bài tóm tắt. Theo đó, để viết được bài tóm tắt có bố cục mạch lạc, người học nên xử lí văn bản theo hướng “top-down” (từ trên xuống), nghĩa là các em cần có tư duy nhận thức nắm được ý chính trước để có hình dung về một bức tranh toàn cảnh, sau đó mới xác định các ý phụ.

Giảng viên TA chia sẻ, người dạy có thể hỗ trợ bằng cách làm mẫu cho sinh viên xem quy trình tư duy với một bài đọc, và cung cấp thêm các bài viết mẫu vận dụng quá phân tích, đọc hiểu văn bản theo cách tiếp cận ‘top-down’.

5. Kết luận

Kĩ năng tóm tắt là kĩ năng rất cần thiết trong môi trường học thuật. Bằng phương pháp khảo sát và phỏng vấn cả hai đối tượng người học và người dạy, nghiên cứu này cho thấy những thách thức lớn nhất đối với người học bao gồm việc xác định các ý hỗ trợ, phân loại các chi tiết, đưa ra suy luận, chọn từ vựng để diễn tả quan điểm và sắp xếp các ý tưởng một cách mạch lạc. Nghiên cứu cũng cho thấy trình độ của người học, kiến thức chủ đề và kĩ năng nhận thức là những ràng buộc có thể ảnh

hường nhiều nhất tới việc viết tóm tắt. Người dạy cần kiểm soát chặt chẽ các ràng buộc ngoại sinh để làm giảm tải trọng nhận thức lên người học.

Đôi khi, người học chưa chắc đã làm tốt những phương diện mà họ cho là dễ dàng, vậy nên các nghiên cứu sau này có thể phân tích các sản phẩm của sinh viên là các bài tóm tắt để nhận diện những vấn đề mà các em gặp phải, từ đó đưa ra được các giải pháp hỗ trợ người học trong việc hình thành và trau dồi kỹ năng tóm tắt.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ashrafzadeh, A., & Nimehchisalem, V. (2015), Vocabulary knowledge: Malaysian tertiary level learners' major problem in summary writing. *Journal of Language Teaching and Research*, 6(2), 286-291.
2. D'Angelo, F. J. (1979), The art of paraphrase. *College Composition and Communication*, 30, 255-259.
3. Flores, E., & Lopez M. (2019), Self-reported summarizing and paraphrasing difficulties in L2 writing contexts: Some pedagogical interventions. *Indonesian Journal of Applied Linguistics*, 9, 286-296.
4. Hirvela, A., & Du, Q. (2013), "Why am I paraphrasing?": Undergraduate ESL writers' engagement with source-based academic writing and reading. *Journal of English for Academic Purposes*, 12(2), 87-98.
5. Idris, N., Baba, S., & Abdullah, R. (2007), An analysis on student-written summaries: a step towards developing an automated summarization assessment. *Proceedings of the International Conference on Electrical Engineering and Informatics Institut Teknologi Bandung*. Bandung, Indonesia: Institut Teknologi Bandung.
6. Ivanova, I. (2020), Making sense of research: university students' difficulties in writing academic summaries. *Studies in Linguistics, Culture and FLT*, 8, 16-34.
7. Keck, C. (2006), The use of paraphrase in summary writing: A comparison of L1 and L2 writers. *Journal of Second Language Writing*, 15(4), 261-278.
8. Kirkland, M.R., & Saunders, M.A.P.(1991), Maximising student performance in summary writing: Managing cognitive load. *TESOL Quarterly*, 25(1), 105-121.
9. Marzano, R. J. (1982), Identifying various types of student writing problems. *Journal of Reading*, 25(5), 408-411.
10. Sun, Y-C. (2009), Using a two-tier test in examining Taiwan graduate students' perspectives on paraphrasing strategies. *Asia Pacific Educators Review*, 10(3), 399-408.

Difficulties of summary writing as perceived by university students and lecturers

Abstract: Summary writing is a very important skill at university. However, summarizing is a complex reading-writing activity, involving constraints that can impose a significant cognitive load on learners. This study was conducted to survey the perception of 62 university students and three lecturers about the difficulties students might face when writing summaries of news. The results of the survey indicate that biggest challenges for learners include identifying supporting ideas, classifying details, making inferences, selecting words to express opinions and organizing ideas coherently. This study also shows that learners' proficiency, content schemata and cognitive skills are the biggest constraints that can affect students' summary writing.

Key words: summary writing; cognitive load; internal constraints; external constraints; content schemata.